TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DSPT
Ngày: 05-01-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Ông **Đặng Kim Nhân.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Nguyễn Thế Vinh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05-01-2023, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2022/TLPT-DS ngày 29-6-2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 18-4-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 497/2022/QĐ-PT ngày 20-12-2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Tấn D**, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

2.2. Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

2.2. Anh **Đinh Duy Quốc T**, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Giấy ủy quyền số 004800/GUQ ngày 09-4-2019):

Bà **Lê Nguyễn Thanh M**; địa chỉ cư trú: Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư **Nguyễn Thanh L** - Văn phòng Luật sư L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cư trú: Nhà số 15A/1 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên tòa.

2.3. Chị **Đinh Dương Huyền T**, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Nhật Bản (không rõ địa chỉ cụ thể), vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Đinh Duy H** (đã chết).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

3.1. Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1960 (là vợ ông H); địa chỉ cư trúPhường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

3.2. Anh **Đinh Duy Quốc T**, sinh năm 1981 (là con ông H); địa chỉ cư trú: Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3.3. Anh **Đinh Duy Quốc T**, sinh năm 1985 (là con ông H); địa chỉ cư trú: Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T và anh T (Giấy ủy quyền ngày 15-7-2019):

Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1960 (là vợ ông hùng); địa chỉ cư trú: Nhà số 355 Trường Chinh, Phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

3.4. Chị **Đinh Dương Huyền T**, sinh năm 1978 (là con ông H); địa chỉ cư trú: Nhật Bản (không rõ địa chỉ cụ thể), vắng mặt.

3.5. Chị **Đinh Dương Bảo T**, sinh năm 1982 (là con ông H); địa chỉ cư trú: Không rõ địa chỉ, vắng mặt.

3.6. Bà **Dương Thị Thu P**, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Võ Tấn D trình bày:

Vợ chồng ông Đinh Duy H và bà Dương Thị T vay của ông số tiền 2.810.000.000 đồng, với lãi suất 3%/tháng để kinh doanh theo 04 Hợp đồng vay vốn lập ngày 05-9-2014. Cùng ngày 05-9-2014, ông H và bà T viết Giấy xác nhận nợ ông 2.112.500.000 đồng, nhưng từ thời gian đó đến nay, vợ chồng ông H, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Năm 2017, ông H chết, nên những người thừa kế của ông H, gồm vợ (bà T) và các con Đinh Duy Quốc T, Đinh Dương Huyền T đã cùng ký vào Giấy cam kết ngày 29-4-2017 trả nợ cho ông số tiền gốc là 2.810.000.000 đồng, tổng nợ lãi là 4.135.700.000 đồng và cam kết bắt đầu từ ngày 05-5-2017, mỗi tháng trả cho ông 50.000.000 đồng, nhưng thực tế chỉ trả được 115.000.000 đồng. Đến nay, do không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Dương Thị T, anh Đinh Duy Quốc T và chị Đinh Dương Huyền T phải trả số tiền gốc của 02 (hai) Giấy xác nhận nợ là 2.810.000.000 đồng và 2.112.500.000 đồng, cùng với tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, bà Dương Thị T, anh Đinh Duy Quốc T cùng ủy quyền cho bà Lê Nguyễn Thanh M trình bày:

Việc vay nợ giữa vợ chồng bà Dương Thị T, ông Đinh Duy H và ông Võ Tấn D phát sinh từ ngày 05-01-2011. Đến ngày 05-9-2014, hai bên ký lại 04 hợp đồng khác thay thế. Sau khi ông H chết chưa được 03 ngày, tang gia đang bối rối, thì ông Võ Tấn D đến đòi nợ, ép mẹ con bà T viết và ký Giấy cam kết trả nợ ngày 29-4-2017. Nay, bà T đồng ý trả nợ gốc 2.810.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật. Riêng khoản nợ 2.112.500.000 đồng hai bên đã chốt nợ xong vào khoản gốc 2.810.000.000 đồng, nên bị đơn không phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Các chị Đinh Thị Huyền T, Đinh Thị Bảo T đang cư trú tại Nhật Bản (không có địa chỉ cụ thể), nên không có lời trình bày; anh Đinh Duy Quốc T vắng mặt, không có lời trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 18-4-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên:

Căn cứ vào các Điều 305, 471 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 147, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 12 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Võ Tấn D, theo Đơn khởi kiện ngày 01-01-2019 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 25-5-2020.

2. Buộc vợ chồng bà Dương Thị T, ông Đinh Duy H (đã chết) và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H là bà Dương Thị T và các con là Đinh Duy Quốc T, Đinh Dương Huyền T, Đinh Duy Quốc T và Đinh Dương Bảo T phải có trách nhiệm trả cho ông Võ Tấn D số tiền 7.673.700.000 (bảy tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng) trong đó số tiền nợ gốc là 4.922.500.000 đồng, lãi là 2.751.200.000 đồng về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

3. Tiếp tục áp dụng Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ- BPKCTT ngày 07-01-2019; Quyết định sửa chữa bổ sung Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-SCBSQĐ ngày 08-01-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về việc cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với ngôi nhà và đất tại số 355 Trường Chinh, Phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên và Quyết định số 03/2019/QĐBPBĐ ngày 07-01-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về việc buộc thực hiện biện pháp bảo đảm tiền gửi 100.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố T để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thời hiệu thi hành án bản án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 22-4-2022, bà Dương Thị T kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định việc vay mượn tiền được thực hiện vào ngày 05-01-2019, từ đó áp dụng mức lãi suất theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác lập hợp đồng để giải quyết vụ án; khấu trừ khoản tiền lãi mà bà đã thanh toán vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật vào tiền gốc chưa thanh toán; xác định số tiền 2.112.500.000 đồng là tiền lãi, không phải tiền gốc; xác định số tiền bà đã thanh

toán từ ngày 05-9-2014 đến ngày 01-10-2018 là 205.000.000 đồng, không phải là 115.000.000 đồng.

- Ngày 22-4-2022, anh Đinh Duy Quốc T kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định số tiền 2.112.500.000 đồng là tiền lãi, không phải tiền gốc; ghi nhận đầy đủ các khoản tiền mà bà Dương Thị T đã thanh toán; không xác định trách nhiệm liên đới của anh trong việc vay mượn tiền của cha, mẹ với ông Võ Tấn D.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo bản án; đơn kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo cho rằng 04 hợp đồng được xác lập là do số tiền giao dịch trước năm 2014. Khoản nợ 2.112.500.000 đồng đã được hai bên chốt lại và nhập vào số tiền 2.810.000.000 đồng; nguyên đơn yêu cầu lãi là vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự; khoản tiền 2.112.500.000 đồng nguyên đơn yêu cầu đã hết thời hiệu. Do đó, phía bị đơn chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn lãi và gốc là 3.456.000.000 đồng. Nguyên đơn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1]. Về tố tụng:

Ông Võ Tấn D khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị T, anh Đinh Duy Quốc T và chị Đinh Dương Huyền T trả khoản tiền mà vợ chồng bà Dương Thị T, ông Đinh Duy H đã vay. Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện còn thời hiệu, nên thụ lý và xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Đinh Dương Huyền T và chị Đinh Dương Bảo T đang cư trú tại Nhật Bản, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết trong cùng vụ án là đúng quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị thực hiện việc ủy thác tư pháp ra nước ngoài (Nhật Bản) cho bị đơn là chị Đinh Dương Huyền T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Dương Bảo T, nhưng không cung cấp được địa chỉ cụ thể những người này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại các

điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Thời hiệu khởi kiện đối với khoản nợ 2.112.500.000 đồng đã hết, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét số tiền gốc, không xem xét lãi suất là đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Về khoản tiền gốc là 2.810.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 05-9-2014 đến ngày xét xử sơ thẩm:

Giữa ông Võ Tấn D và vợ chồng bà Dương Thị T, ông Đinh Duy H có ký hợp đồng vay tài sản, với tổng số tiền là 2.810.000.000 đồng, được thể hiện tại 04 hợp đồng vay tiền ghi cùng ngày 05-9-2014, gồm: 1.360.000.000 đồng, lãi 3%/tháng; 600.000.000 đồng, lãi 3%; 700.000.000 đồng, lãi 2,5%; 150.000.000 đồng lãi 4%, kèm theo Giấy nhận tiền có chữ ký của vợ chồng bà T, ông H.

Năm 2017, ông Đinh Duy H chết; ngày 29-4-2017, bà Dương Thị T và các con là Đinh Dương Huyền T, Đinh Dương Quốc T có ký Giấy cam kết trả nợ số tiền gốc là 2.810.000.000 đồng và tổng tiền lãi là 4.135.700.000 đồng.

Tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *"Lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng"*. Như vậy, mức lãi suất mà bà Dương Thị T và các con là Đinh Dương Huyền T, Đinh Duy Quốc T ký Giấy cam kết trả nợ số tiền gốc là 2.810.000.000 đồng và tổng tiền lãi là 4.135.700.000 đồng là vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cho vay theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 (9%/năm). Do đó, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất trong hạn 0,75%/tháng và lãi suất quá hạn 1,125%/tháng để tính lại khoản tiền lãi mà nguyên đơn (ông Võ Tấn D) yêu cầu là có căn cứ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn (bà Dương Thị T, anh Đinh Duy Quốc T) chấp nhận trả tiền gốc của số tiền 2.810.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Theo chứng từ sao kê tại Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Phú Yên - Phòng Giao dịch Duy Tân đối với tài khoản của ông Võ Tấn D, thì bà Dương Thị T đã trả nợ bằng hình thức chuyển vào tài khoản của ông D nhiều lần, tổng cộng là 115.000.000 đồng. Lần trả nợ cuối cùng theo cam kết là ngày 01-10-2018 và sau đó bị đơn không tiếp tục trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm khấu trừ vào khoản tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với khoản tiền lãi suất được tính cụ thể như sau:

- Từ ngày 06-9-2014 đến ngày 05-3-2015 là 06 tháng; áp dụng mức lãi suất trong hạn là 0,75%/tháng, thành tiền là: 2.810.000.000 đồng x 06 tháng x 0,75% = 126.450.000 đồng.

- Từ ngày 06-3-2015 đến ngày 18-4-2022 là 87 tháng; áp dụng mức lãi suất quá hạn là 1,125%/tháng, thành tiền là: 2.810.000.000 đồng x 87 tháng x 1,125% = 2.739.750.000 đồng.

Tổng cộng lãi: 2.866.200.000 đồng - 115.000.000 đồng (nguyên đơn đã trả cho bị đơn) = 2.751.200.000 đồng.

Tổng nợ gốc: 2.810.000.000 đồng + 2.751.200.000 đồng (lãi) = 5.561.200.000 đồng.

[2.2.2]. Về khoản nợ 2.112.500.000 đồng:

Theo Giấy nhận nợ ngày 05-9-2014 có đầy đủ chữ ký của bà Dương Thị T và ông Đinh Duy H thì số tiền 2.112.500.000 đồng là khoản nợ riêng, theo thỏa thuận giữa hai bên, không liên quan đến 04 Hợp đồng vay vốn và Giấy cam kết trả nợ ngày 29-4-2017. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là có căn cứ.

Như vậy, tổng số nợ (cả tiền gốc và tiền lãi) mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn, ông Võ Tấn D là **7.673.700.000 đồng.**

[2.2.3]. Về trách nhiệm trả nợ:

Thực tế vợ chồng bà Dương Thị T, ông Đinh Duy H có vay tiền của ông Võ Tấn D, việc vay tiền là tự nguyện, được thực hiện thông qua hợp đồng vay tiền, giấy nhận tiền, giấy nhận nợ và hai bên đã ký xác nhận vào các tài liệu này. Như vậy, đây là giao dịch hợp pháp và được pháp luật bảo vệ, nhưng trong thời hạn trả nợ thì ông Đinh Duy H bị chết (Trích lục khai tử ngày 15-5-2017 - bút lục số 115). Do đó, theo quy định của pháp luật, bà Dương Thị T và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đinh Duy H (kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) bao gồm bà Dương Thị T và các con là Đinh Duy Quốc T, Đinh Dương Huyền T, Đinh Duy Quốc T, Đinh Dương Bảo T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền đã vay.

Toà án cấp sơ thẩm buộc bà Dương Thị T và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đinh Duy H phải trả nợ cho ông Võ Tấn D là có căn cứ, nhưng không tuyên trách nhiệm liên đới và không chia theo phần là không thực hiện đúng quy định tại các Điều 298, 299, 300 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là các Điều 288, 289 và 290 của Bộ luật Dân sự năm 2015). Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xác định trách nhiệm liên đới và chia theo phần đối với từng đương sự.

Do bà Dương Thị T và ông Đinh Duy H cùng vay nợ, nên mỗi người phải chịu trách nhiệm ½ số tiền vay nợ. Do ông Đinh Duy H đã chết, nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H (kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) bao gồm bà Dương Thị T và các con của ông H là Đinh Duy Quốc T, Đinh Dương Huyền T, Đinh Duy Quốc T, Đinh Dương Bảo T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền ông H đã vay.

Tổng số nợ cả gốc và lãi là 7.673.700.000 đồng được chia thành hai phần, bà Dương Thị T phải trả nợ một phần; phần còn lại bà Dương Thị T và các anh, chị Đinh Duy Quốc T, Đinh Dương Huyền T, Đinh Duy Quốc T và Đinh Dương Bảo T cùng chịu trách nhiệm ngang nhau, cụ thể:

Tổng số nợ cả gốc và lãi là 7.673.700.000 đồng/2 người = 3.836.850.000 đồng. Phần trả nợ của ông Đinh Duy H là 3.836.850.000 đồng/5 người (bà T, anh T, anh T, chị Huyền T và chị Bảo T) = 767.370.000 đồng.

Như vậy, bà Dương Thị T phải có trách nhiệm trả cho ông Võ Tấn D là 3.836.850.000 đồng + 767.370.000 đồng = 4.604.220.000 đồng; các anh, chị Đinh Duy Quốc T, Đinh Dương Huyền T, Đinh Duy Quốc T và Đinh Dương Bảo T, mỗi người phải chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Võ Tấn D 767.370.000 đồng.

[2.2.4]. Về số tiền phía bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn:

Tại Toà án cấp sơ thẩm, phía bị đơn cho rằng có một số tài liệu thể hiện bị đơn đã trả cho nguyên đơn một khoản tiền gốc và tiền lãi, thời gian trả trước năm 2014, nhưng nguyên đơn không chấp nhận và cho rằng đây là những giao dịch xảy ra trước năm 2014, hai bên đã thanh toán xong, không liên quan đến hai khoản nợ do hai bên cam kết. Tuy nhiên, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, phía bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không cung cấp được tài liệu để chứng minh. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là có căn cứ.

Như vậy, kháng cáo của bị đơn là bà Dương Thị T và ông Đinh Duy Quốc T đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Căn cứ "Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời" ngày 01-01-2019 của ông Võ Tấn D. Xét thấy, cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 03/2019/QĐBPBĐ ngày 07-01-2019, buộc ông Võ Tấn D phải gửi tài sản bảo đảm là 100.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh thành phố Tuy Hoà, sau đó ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-BPKCTT ngày 07-01-2019, Quyết định sửa chữa, bổ sung Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-SCBSQĐ ngày 08-01-2019, buộc bà Dương Thị T, anh Đinh Duy Quốc T và chị Đinh Dương Huyền T không được chuyển dịch quyền về tài sản đối với ngôi nhà và đất tại số 355 Trường Chinh, Phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên và tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 18-4-2022, Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên tiếp tục áp dụng các quyết định nêu trên để bảo đảm thi hành án. Tuy nhiên, tại thời điểm này, tranh chấp giữa các đương sự đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, nên việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không cần thiết, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để ông Võ Tấn D được thực hiện quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tài sản đã thực hiện nghĩa vụ bảo đảm.

[4] Về án phí dân sự:

[4.1]. Án phí dân sự có giá ngạch:

- Bà Dương Thị T phải chịu 112.000.000 đồng + 640.220 đồng (0,1% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt quá 4.000.000.000 đồng) = 112.640.000 đồng (làm tròn) án phí dân sự có giá ngạch.

- Các anh, chị Đinh Duy Quốc T, Đinh Dương Huyền T, Đinh Duy Quốc T và Đinh Dương Bảo T, mỗi người phải chịu 20.000.000 đồng + 14.694.800 đồng (4% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng) = 34.694.000 đồng (làm tròn) án phí dân sự có giá ngạch.

[4.2]. Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị đơn là bà Dương Thị T và anh Đinh Duy Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị T và anh Đinh Duy Quốc T.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 18-4-2022 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Căn cứ vào các Điều 298, 299, 300, 305, 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 288, 289, 290, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Võ Tấn D.

2.2. Buộc bà Dương Thị T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Duy H là bà Dương Thị T và các con của ông H là các anh, chị Đinh Duy Quốc T, Đinh Dương Huyền T, Đinh Duy Quốc T và Đinh Dương Bảo T phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Võ Tấn D số tiền 7.673.700.000 đồng, trong đó tiền gốc là 4.922.500.000 đồng và tiền lãi là 2.751.200.000 đồng. Chia theo phần:

- Bà Dương Thị T phải trả cho ông Võ Tấn D số tiền 4.604.220.000 đồng (bốn tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

- Các anh, chị: Đinh Duy Quốc T, Đinh Dương Huyền T, Đinh Duy Quốc T và Đinh Dương Bảo T, mỗi người phải trả cho ông Võ Tấn D số tiền 767.370.000 đồng (bảy trăm sáu bảy triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Căn cứ điểm g khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3.1. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 03/2019/QĐBPBĐ ngày 07-01-2019, Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-BPKCTT ngày 07-01-2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-SCBSQĐ ngày 08-01-2019, đều của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên (có quyết định kèm theo án án phúc thẩm).

3.2. Trả lại ông Võ Tấn D, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Nhà số 104 Nguyễn Huệ, Phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) được gửi tại tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

4. Về án phí dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 và điểm e tiểu mục 1.3 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

4.1. Án phí dân sự có giá ngạch:

- Bà Dương Thị T phải chịu 112.640.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

- Các anh, chị Đinh Duy Quốc T, Đinh Dương Huyền T, Đinh Duy Quốc T và Đinh Dương Bảo T, mỗi người phải chịu 34.694.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Dương Thị T và anh Đinh Duy Quốc T, mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), lần lượt tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000234 và số 0000235, cùng ngày 29-4-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên nay được chuyển thành án phí; bà Dương Thị T và anh Đinh Duy Quốc T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Việt Cường